

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 34/2025/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Luyến – Bà Phan Thị Thắng.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 173/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; nơi cư trú: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị H: Anh Trương Hoài V, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thu H1: Anh Trần N1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số E, đường C, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (cũ).

- Bà Trương Thị M, sinh năm 1956; anh Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị Huỳnh M1, sinh năm 1979; Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh Nguyễn Ngọc N2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (cũ).

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ E, ấp T, xã B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Nguyễn Thị Yên B, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ F, khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (cũ).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: Chia tài sản chung của hộ gia đình ông Nguyễn D và bà Nguyễn Thị H, chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông Nguyễn D để lại trong khối tài sản chung, cụ thể:

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị H được sử dụng phần diện tích $317,6m^2$ đất ONT + HNK (trong đó có $162m^2$ đất ONT và $155,6m^2$ đất HNK) thuộc một phần diện tích của thửa đất số 426, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C887927, cấp ngày 06/6/1995 mang tên Nguyễn D (nay là vị trí từ mốc 14-15-3-4-5-14, có tổng chiều ngang mặt tiền đường bê tông là 12,13m thuộc một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ số 138, phiếu đo đạc chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T thực hiện ngày 21/8/2025); trên đất có căn nhà xây cấp 4, các công trình xây dựng khác và cây trồng tại thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng;

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất lúa số 168, 169, cùng tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C887927, cấp ngày 06/6/1995 mang tên Nguyễn D (nay là thửa đất số 631 diện tích $344,5m^2$ và thửa 632 diện tích $1.088,1m^2$, cùng tờ bản đồ số 116, mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T thực hiện ngày 10/5/2024) và các thửa đất lúa số 305, 307, 172, cùng tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C887927, cấp ngày 06/6/1995 mang tên Nguyễn D (nay là thửa đất số 634 diện tích $6.060m^2$, tờ bản đồ số 116, mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T thực hiện ngày 10/5/2024);

- Phân chia cho bà Trương Thị M cùng các người con của bà M với ông Nguyễn Ngọc T2 là anh Nguyễn Ngọc N, anh Nguyễn Ngọc L1, anh Nguyễn Ngọc N2, chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Yên B được sử dụng phần diện tích $142,3m^2$ đất ONT + HNK (trong đó có $73m^2$ đất ONT và $69,3m^2$ đất HNK) có vị trí từ mốc 1-2-3-15-1, có tổng chiều ngang mặt tiền đường bê tông là 5,31m và phần diện tích $127,4m^2$ đất ONT + HNK (trong đó có $65m^2$ đất ONT và $62,4m^2$ đất HNK) có vị trí từ mốc 5-6-7-13-14-5, có tổng chiều ngang mặt tiền đường bê tông là 4,85m; đều thuộc một phần diện tích của thửa đất số 426, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C887927, cấp ngày

06/6/1995 mang tên Nguyễn D (nay là một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ số 138, phiếu đo đạc chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T thực hiện ngày 21/8/2025) tại thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng;

- Phân chia cho bà Trương Thị M cùng các người con của bà M với ông Nguyễn Ngọc T2 là anh Nguyễn Ngọc N, anh Nguyễn Ngọc L1, anh Nguyễn Ngọc N2, chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Yên B được sử dụng thửa đất lúa số 304, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C887927, cấp ngày 06/6/1995 mang tên Nguyễn D (nay là diện tích 1.012,4m² thuộc thửa đất số 633, tờ bản đồ số 116, mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T thực hiện ngày 10/5/2024);

Phân tài sản chung của anh Nguyễn Ngọc N được phân chia thì anh N đồng ý giao quyền sử dụng lại cho bà Trương Thị M, anh Nguyễn Ngọc L1, anh Nguyễn Ngọc N2, chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Yên B.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị Thu H1 và bà Nguyễn Thị Thu L được sử dụng phần diện tích 490,3m² đất HNK thuộc thửa đất số 430, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C887927, cấp ngày 06/6/1995 mang tên Nguyễn D (nay là vị trí từ mốc 7-8-9-10-11-12-7, thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 138, phiếu đo đạc chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T thực hiện ngày 21/8/2025) tại thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng;

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị Thu H1 và bà Nguyễn Thị Thu L được sử dụng thửa đất lúa số 171, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C887927, cấp ngày 06/6/1995 mang tên Nguyễn D (nay là diện tích 1.696,9m² thuộc thửa đất số 482, tờ bản đồ số 116, mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T thực hiện ngày 10/5/2024);

- Bà Nguyễn Thị H được phân chia sử dụng diện tích nhiều hơn nhưng không cần phải hoàn trả phần chênh lệch giá trị tài sản chung cho bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Trương Thị M, anh Nguyễn Ngọc N, anh Nguyễn Ngọc L1, anh Nguyễn Ngọc N2, chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Yên B.

- Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C887927, cấp ngày 06/6/1995 mang tên Nguyễn D và phối hợp cùng bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Trương Thị M, anh Nguyễn Ngọc N, anh Nguyễn Ngọc L1, anh Nguyễn Ngọc N2, chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị Ngọc T1, chị Nguyễn Thị Yên B liên hệ với các cơ quan chuyên môn để tiến hành làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, cập nhật biến động sang tên đối với diện tích đất phân chia nêu trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Thu L và bà Trương Thị M.

- Anh Nguyễn Ngọc N, anh Nguyễn Ngọc L1, anh Nguyễn Ngọc N2, chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị Ngọc T1, chị Nguyễn Thị Yên B đồng ý nộp án phí dân sự sơ thẩm. Anh N, anh L1, chị N2, chị T, chị T1 và chị B phải liên đới nộp 22.058.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 16-Lâm Đồng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ